

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-PT

Ngày 21/3/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà và ông Nguyễn Vĩnh Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Bích Huệ - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 37/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Khu du lịch Bào Mai, thôn Kê Gà, xã T, huyện N, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn Tam Kỳ 1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Bùi Văn V – Phó giám đốc Phòng giao dịch L, Chi nhánh Y, Vĩnh Phúc II (theo Văn bản ủy quyền lại số 17a/GUQ ngày 29.7.2021), (có mặt).

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Ngô Thị Th trình bày: Bà và ông Nguyễn Quang H kết hôn với nhau ngày 15/9/2017 được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp giấy chứng nhận. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, bà về sinh sống cùng gia đình ông H. Quá trình chung sống, khoảng cuối năm 2017 đến đầu năm 2018 giữa bà và ông H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H thường xuyên rượu chè, say xỉn chửi bới, đánh đập bà. Đầu năm 2019 bà đi làm ăn tại tỉnh Bình Thuận, khoảng 01 năm thì quay về tiếp tục chung sống cùng ông H. Tuy nhiên, ông H vẫn thường xuyên đánh đập, chửi bới bà nên đầu tháng 4 năm 2020 bà lại tiếp tục vào tỉnh Bình Thuận làm ăn và sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng có một vài lần hòa giải để đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà xin ly hôn ông H để tạo lập cuộc sống mới. Về con và tài sản chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bày:

Về hôn nhân: Ông thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, thời điểm hai bên sống ly thân là đúng. Tuy nhiên bị đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bà Th có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Bị đơn cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được với nhau nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Th.

Về con và tài sản chung: Bị đơn cũng xác nhận hai bên không có con chung và tài sản chung nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên quá trình chung sống, vợ chồng ông có vay của Phòng giao dịch L – Chi nhánh huyện Y, Vĩnh Phúc II thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 2803LAV202001029 ngày 09/4/2020. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm. Tuy trong hợp đồng tín dụng thể hiện thời hạn vay là 36 tháng nhưng khi giải ngân thì bên vay và bên cho vay đã thống nhất thỏa thuận bằng văn bản thời hạn vay là 24 tháng. Để đảm bảo cho

khoản vay thì ông H tự nguyện giao cho Ngân hàng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C132734 đối với thửa đất số 123, tờ bản đồ số 03, diện tích 178m² tọa lạc tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc do Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc cấp ngày 20/7/1998 cho chủ sử dụng Nguyễn Văn H (tên khác của ông Nguyễn Quang H) để làm tin. Hai bên thỏa thuận khi bên vay trả hết nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Sau khi vay số tiền trên, hàng tháng ông là người trực tiếp đứng ra trả nợ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng còn bà Th không trả bất kỳ khoản tiền nào. Hiện tại ông đã trả được 25 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng theo đúng thỏa thuận cho Ngân hàng. Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết luôn khoản vay của vợ chồng đối với Ngân hàng trong vụ án ly hôn theo hướng buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền gốc 25 triệu còn nợ và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng, ông Bùi Văn V trình bày: Thừa nhận lời trình bày của ông H về khoản vay của vợ chồng và việc giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin khi cho vay tiền là đúng. Hiện ông H đã trả được 25 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi hàng tháng. Do khoản tiền vay của ông H, bà Th chưa đến hạn; quá trình thực hiện hợp đồng bên vay trả nợ gốc, lãi đúng thời gian, hiện chưa phát sinh nợ xấu nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập đối với khoản tiền vợ chồng ông H, bà Th còn nợ trong vụ án này. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng đồng ý để bà Th là người trực tiếp trả nợ số tiền gốc còn lại là 25 triệu đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong. Khi nào bà Th trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cho ông H.

Với nội dung như trên, tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 27, 37, 51, 56, 59 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Ngô Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Quang H.

2. Về khoản vay: Buộc bà Ngô Thị Th có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng số 2803LAV202001029 ký ngày 09/4/2020. Sau khi bà Th trả nợ xong, Ngân

hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Quang H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C132734 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc cấp ngày 20/7/1998 cho chủ sử dụng Nguyễn Văn H (tên gọi khác là Nguyễn Quang H).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ngô Thị Th, ông Nguyễn Quang H và Ngân hàng không có kháng cáo. Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại Quyết định số 156/QĐKNPT-VKS-DS Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần phân chia khoản nợ chung và án phí dân sự vì cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn thay đổi quan điểm thể hiện tại bản tự khai ngày 06.7.2021, theo đó không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng đối với số tiền 25 triệu đồng tiền gốc còn lại vì cho rằng đây là khoản vay chung nên cả hai bên đều phải có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu tại cấp sơ thẩm, đề nghị Tòa án buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn lại là 25 triệu đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng không đồng ý đề bà Th có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại cho Ngân hàng theo phán quyết của bản án sơ thẩm vì kể từ ngày tuyên án đến nay thì bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Ngân hàng đề nghị ông H, bà Th phải có nghĩa vụ cùng trả khoản tiền còn nợ; nếu đến hạn mà bên vay chưa thanh toán xong thì Ngân hàng sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án khác mà không đồng ý giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng do đương sự chưa có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền vay và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành thụ lý yêu cầu giải quyết khoản vay của vợ chồng bà Th, ông H đối với Ngân hàng trong vụ án ly hôn này theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đối với khoản nợ của vợ chồng bà Th, ông H là vượt quá yêu cầu của đương sự đã xâm phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật

Tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết đối với khoản vay nợ này, vì vậy Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc theo hướng hủy và đình chỉ phần dân sự về phân chia khoản nợ chung và không buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trong hạn luật định được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Bà Ngô Thị Th và ông Nguyễn Quang H kết hôn ngày 15/9/2017 được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đăng ký và cấp giấy chứng nhận. Quá trình chung sống thì vợ chồng ông H, bà Th có vay của Ngân hàng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 2803LAV202001029 ngày 09/4/2020. Để đảm bảo cho khoản vay, ông H tự nguyện giao cho Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C132734 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc cấp ngày 20/7/1998 đứng tên của ông H để làm tin. Các bên thỏa thuận khi bên vay thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng trả lại cho ông H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tính đến ngày 16.9.2021, ngày tòa án xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa bà Th và ông H thì ông H đã trả cho Ngân hàng được 25 triệu đồng tiền gốc và 6.034.927 đồng tiền lãi, hiện còn nợ 25 triệu đồng tiền gốc.

[3]. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1]. Đối với việc ly hôn: Tại phiên tòa phúc thẩm, cả bà Th và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Th được ly hôn ông H là có căn cứ, đúng pháp luật. Do không có kháng cáo, kháng nghị về ly hôn, vì vậy phần quyết định về việc cho các đương sự được ly hôn và án phí ly hôn tại Bản án sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 16.9.2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[3.2]. Đối với khoản tiền vợ chồng vay của Ngân hàng:

[3.2.1]. Theo đơn khởi kiện ngày 04.5.2021 thì nguyên đơn bà Ngô Thị Th chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Quang H; về con chung và tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án thì ông H khai vợ chồng còn nợ của Ngân hàng 25 triệu đồng tiền gốc. Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này theo hướng buộc bà Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản tiền gốc còn nợ và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Việc đề nghị của ông H chỉ được thể hiện trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án ngày 02.6.2021. Trên cơ sở yêu cầu của ông H, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quá trình tố tụng, Ngân hàng xác nhận do khoản vay chưa đến hạn, bên vay thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên không có yêu cầu độc lập đối với khoản tiền vợ chồng ông H, bà Th còn nợ Ngân hàng trong vụ án ly hôn này; khi nào bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào yêu cầu của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải trả nợ cho Ngân hàng thể hiện trong biên bản lấy lời khai để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “chia nợ chung” và xử buộc nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là không đúng quy định của pháp luật. Vì nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; Ngân hàng không yêu cầu độc lập đối với khoản vay của vợ chồng trong vụ án ly hôn; quan điểm của bị đơn tại biên bản lấy lời khai chỉ là ý kiến đề nghị Tòa án buộc bà Th phải trả nợ cho Ngân hàng chứ không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn hoặc yêu cầu độc lập của bị đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng để yêu cầu Tòa án giải quyết khoản tiền mà vợ, chồng bị đơn còn nợ của Ngân hàng trong cùng vụ án.

Tuy bị đơn có nguyện vọng giải quyết khoản nợ của vợ chồng đối với Ngân hàng trong cùng vụ án ly hôn là hoàn toàn chính đáng nhưng bị đơn phải làm đơn yêu cầu độc lập theo quy định của pháp luật; thủ tục yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn. Việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu trả nợ cho Ngân hàng trong cùng vụ án ly hôn khi bị đơn chưa có đơn yêu cầu cũng như khi đã chấp nhận yêu cầu của bị đơn nhưng không thông báo cho các đương sự liên quan biết là chưa thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự, thủ tục về thụ lý theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, phần quyết định của bản án tuyên “Buộc bà Ngô Thị Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 25 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng...”. Việc tuyên án như vậy là không đúng quy định, trái với thỏa thuận của

các bên thể hiện tại khoản 4 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng quy định về việc trả nợ trước hạn. Khoản 4 Điều 5 quy định “Khách hàng có quyền trả nợ trước hạn nhưng phải trả đầy đủ lãi, phí trên dư nợ gốc trả trước hạn được thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng”. Thỏa thuận này có nghĩa là khi bên vay muốn trả nợ trước hạn thì phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, phí trên dư nợ gốc còn nợ tính đến ngày trả nợ. Trong vụ án này Ngân hàng thừa nhận bên vay đã trả được 25 triệu tiền gốc và toàn bộ lãi suất theo quy định tính đến ngày 16.9.2021; còn nợ lại 25 triệu đồng tiền gốc. Nếu có thụ lý, giải quyết yêu cầu của bị đơn thì quan hệ tranh chấp là chấm dứt hợp đồng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước hạn nên các thỏa thuận trong hợp đồng sẽ hết hiệu lực kể từ ngày chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, nếu bên vay chưa trả được nợ thì Ngân hàng có quyền làm đơn đề nghị thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự chỉ thống nhất về khoản tiền gốc còn nợ nhưng không thỏa thuận về việc trả lãi là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, trong phần quyết định của bản án chỉ được tuyên “Buộc bà Ngô Thị Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ là 25 triệu đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

[3.2.2]. Từ phân tích trên có đủ cơ sở để khẳng định Quyết định của bản án về phần dân sự buộc nguyên đơn phải trả nợ cho Ngân hàng là vượt quá yêu cầu của đương sự, đã xâm phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết đối với khoản nợ của Ngân hàng nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được sai lầm của cấp sơ thẩm. Vì vậy, cần phải hủy và đình chỉ đối với phần dân sự về phân chia khoản nợ chung tại bản án sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp.

Đối với khoản tiền mà vợ chồng bà Th, ông H còn nợ của Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 2803LAV202001029 ngày 09/4/2020 sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác theo quy định của pháp luật khi các đương sự có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Do phần dân sự về phân chia khoản nợ chung bị hủy và đình chỉ nên bà Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã tuyên tại bản án sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308; Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Hủy và đình chỉ bản án sơ thẩm số 24/2021/HNGĐ-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đối với phần dân sự về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Ngô Thị Th.

Về án phí: Bà Ngô Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh

